

Bản án số: 17 /2019/HS-ST

Ngày: 29/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Ông Ngô Văn Bê

Ông Trịnh Hưng Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2019, tại trụ sở Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/TLST-HS ngày 01/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 14/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982; nơi sinh tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi thường trú: thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Dương Thị T; có vợ: Phạm Thị B và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Dương Thị T, sinh năm 1958, nơi cư trú: thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt). Tại phiên tòa, bà T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1953, nơi cư trú: thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- Người bào chữa: Ông Đồng Duy C - Luật sư của Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- **Bị hại:** Chị Phạm Thị B, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Thân Thị M, sinh năm 1957, nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 2001(vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1957 (vắng mặt)
3. Bà Thân Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)
5. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 (vắng mặt)
6. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt)
7. Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 trú tại thôn P, xã Đ, thành phố B là chồng chị Phạm Thị B, sinh năm 1983. Vợ chồng T có 01 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 2003. Đến thời điểm ngày 20/8/2018 thì chị B đang mang thai được 36 tuần. Vợ chồng T cùng ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 ở cùng thôn chung vốn mở xưởng sản xuất cay xây dựng đặt tại nhà vợ chồng T, ông H là chú rể T.

Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 20/8/2018, ông H đi từ nhà sang xưởng sản xuất cay để xếp cay lên ô tô chở đi bán. Sau khi xếp cay lên ô tô xong, ông H đi ăn sáng sau đó quay lại xưởng cay thì thấy T đang xếp cay. Ông H nói với T “Cay hôm nay ảm, ướt, không phải xếp”. Nghe ông H nói vậy thì T bỏ đi không xếp cay nữa. Khi T đi ra đến sân nhà thì lúc này chị B vừa đi làm ở khu công nghiệp S- N về đến nhà. T nói với chị B “Mày nói gì để ông H không cho tao xếp cay nữa”. Chị B hỏi ông H tại sao không cho T xếp cay thì ông H trả lời do cay hôm nay ảm, ướt nên không phải xếp. Chị B nói với T “Thế thì càng được nghỉ chứ sao”. T nói không làm lấy gì mà ăn. Chị B định đưa tiền cho T đi uống nước thì T nói phải đưa 1.000.000 đồng. Do lúc đó chị B không có đủ tiền nên bảo ông H cho vay. Ông H đi xe máy sang nhà ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 ở cùng thôn vay 1.000.000 đồng rồi quay lại đưa tiền cho chị B. Chị B cầm 1.000.000 đồng rồi đưa cho T. Sau khi đưa tiền, chị B thấy ảm ức và khóc nên nói với ông H là sang nhà bố, mẹ đẻ của chị B chơi. Sau đó, chị B đi xe máy

sang nhà bà Thân Thị M (là mẹ đẻ chị B) ở thôn T, xã Đ, thành phố B. Ông H đi xe máy ra về.

Sau khi nhận tiền của chị B đưa cho, T đi ra chợ mua thịt lợn hết 35.000 đồng sau đó lại quay ra xưởng tiếp tục xếp cay. T xếp cay được khoảng 5 đến 10 phút thì ông H lại đi ra ngăn cản không cho xếp cay nữa. T cho rằng chị B cùng với ông H ngăn cản T xếp cay nên tỏ ra bực tức và không xếp cay nữa. Ngay sau đó, T đi xe đạp điện sang nhà bà Thân Thị M ở thôn T, xã Đ, thành phố B để tìm chị B. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi đến nhà bà M, dựng xe đạp điện ngoài sân đi vào nhà. Lúc này, chị B đang ngồi dựa lưng vào thành giường trong phòng khách, bà M đang bế cháu ngồi ở võng ở giữa nhà, cháu Phạm Văn T, sinh năm 2001 là cháu nội bà M đang ngồi sử dụng điện thoại trên giường. T đi đến đứng ở cửa phòng tiếp giáp giữa bếp và phòng khách chỉ tay về phía chị B nói “Mày về giải quyết vụ ông H cho tao, mày nói gì để ông ấy không cho tao làm”. Chị B nói “Anh cứ về trước đi, có gì về nói chuyện sau”. T không nói gì rồi đi vào bếp lấy một con dao dài 40cm, chuôi dao dài 13cm, lưỡi dao dài 27cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6,8cm (gia đình bà M vẫn thường dùng để chặt xương). T cầm dao trên tay phải đi đến trước mặt chị B và chém liên tiếp nhiều nhát về phía đầu chị B. Chị B giơ tay lên chống đỡ thì bị T chém đứt rời bàn tay trái và bị thương ở đầu và tay phải. Bà M và cháu Phạm Văn T thấy vậy nên chạy sang nhà hàng xóm kêu cứu. T vứt dao lại rồi lấy xe đạp điện bỏ về nhà. Sau đó, anh Phạm Văn H, bà Thân Thị H, ông Nguyễn Công N là hàng xóm của gia đình bà M chạy sang nhà bà M thấy chị B bị thương nên đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang rồi chuyển đến Bệnh viện Việt Đức cấp cứu.

*** Khám nghiệm hiện trường:** Hiện trường xảy ra vụ việc tại số nhà 15, ngõ 114, thôn T, xã Đ, thành phố B. Phía Bắc là nhà dân, phía Nam là đường vào số nhà 13 và nhà dân, phía Đông là đường ngõ 114 và số nhà 06, phía Tây là số nhà 13.

Số nhà 15 có cổng ra vào phía Đông Nam kích thước (3,6 x 2,8)m gồm 02 cánh kim loại mở vào trong; trước cổng trên đường ngõ 114 tại vị trí cách tường Đông 1,1m, cách trụ cổng phía Đông số nhà 15 là 5,4m phát hiện dấu vết máu nhỏ giọt trên diện (0,9 x 0,3)m.

Số nhà 15 được thiết kế 03 tầng, có sân phía Nam, bếp phía Tây, nhà phòng khách phía Đông, phòng khách phía Đông có kích thước (4 x 5,4)m; có cửa ra vào phía Nam kích thước (1,5 x 2,4)m gồm hai cánh gỗ mở vào trong; có cửa không cánh đi sang nhà bếp. Bếp ăn phía Tây có kích thước (6,75 x 5,6)m; có cửa ra vào phía Nam kích thước (1,27 x 2,4)m; cửa phía Đông Nam, cầu thang lên tầng phía Nam. Trong nhà bếp, trên sàn tại vị trí cách tường Bắc 2,0m, sát tường Tây có 01

máy lọc nước hiệu “H2 tech” kích thước (44 x 32 x 88)cm, phía trên máy lọc nước phát hiện 01 điện thoại Nokia màu đen, trên màn hình điện thoại và bàn phím phát hiện dấu vết màu nâu đỏ diện (11 x 5)cm; trên nền bếp tại vị trí sát tường Bắc cách tường Tây 2,1m có kê 01 tấm gỗ kích thước (0,4 x 0,8)m; trên tấm gỗ có kê 01 bao tải dừa màu trắng kích thước (0,55 x 0,85)m, trên bao tải phát hiện dấu vết màu nâu đỏ dạng chùi quét diện (13 x 40)cm hướng từ trên xuống; trên tấm gỗ này phát hiện 01 dấu vết màu nâu đỏ hình tròn có đường kính 0,6cm.

Trên sàn nhà, sàn bếp, sân gạch trước cửa nhà và bếp có bám dính nhiều nước ẩm ướt. Trên sân tại vị trí cách mép sân phía Bắc 0,8m, cách tường phía Đông 5,6m phát hiện 01 khung kim loại hình vồng, kích thước (2,44 x 0,68)m; khung kim loại chiều Đông Tây; tại khung phía Tây có hai vết hàn mặt sáng bóng, hai vết hàn đã gỉ. Trên cạnh khung kim loại phía Bắc và Tây Bắc phát hiện nhiều vết màu nâu đỏ dạng bắn, vẩy theo hướng từ Bắc đến Nam trên diện (0,3 x 1,3)m.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã thu giữ 01 khung sắt của chiếc vồng; 01 điện thoại di động Nokia; 01 bao tải dừa (bút lục 106, 107). Ngoài ra, cháu Phạm Văn T còn nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao bằng kim loại dài 40cm, trên con dao bám dính chất màu đỏ nghi máu và nhiều sợi tóc màu đen.

Về thương tích của Chị Phạm Thị B: Bệnh án ngoại ngày 29/8/2018 của Bệnh viện Việt Đức xác nhận:

- Chị B vào viện ngày 20/8/2018, ra viện ngày 29/8/2018
- Tình trạng trước khi phẫu thuật: Đứt rời hoàn toàn cổ-bàn tay trái; vết thương phức tạp bàn tay phải; vết thương da đầu rộng; thai 36 tuần.
- Phương pháp phẫu thuật: Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại cổ-bàn tay trái cắt rời. Bàn II, III ngón IV tay phải nẹp vít. Nối gân gấp, duỗi. Khâu vết thương da đầu.
- Sau phẫu thuật: Đứt rời hoàn toàn cổ-bàn tay trái; vết thương phức tạp bàn tay phải; vết thương da đầu rộng; thai lưu 36 tuần.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của chị Phạm Thị B; trưng cầu giám định dấu vết trên vật chứng đã thu giữ và trưng cầu giám định để xác định tình trạng tâm thần của bị can T.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8427 ngày 28/8/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận:

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Phạm Thị B là 65%.*

- Các thương tích do vật sắc gây nên.

- Chưa đánh giá ảnh hưởng gấp đôi bàn tay hai bên do đứt gân gây nên vì đang trong giai đoạn điều trị.

Kết luận giám định số 4668 ngày 30/9/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Trên chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, trên con dao và trên chiếc bao tải đều có dính máu của Phạm Thị B

- Mẫu nghi tóc dính trên con dao là mẫu tóc của Phạm Thị Bình.

Bản kết luận giám định số 1546/KL-KTHS ngày 15/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Trên con dao gửi giám định không phát hiện thấy dấu vết đường vân.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 71/2018/PYTT ngày 24/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận:

1- Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 ở thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang bị bệnh tâm thần: Động kinh có rối loạn tâm thần.

2- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 20/8/2018, Nguyễn Văn T bị bệnh động kinh có rối loạn tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

3- Hiện tại Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần: Động kinh có rối loạn tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã trưng cầu giám định bổ sung để xác định tỷ lệ thương tích và cơ chế hình thành thương tích đối với chị Phạm Thị B.

Kết luận giám định số 8636 ngày 03/1/2019 của Trung tâm giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sẹo vùng đầu + Phiếu phẫu thuật: Có mổ xương sọ + Điện não đồ: Tổn thương chấn động não: 11%

- Thương tích vết sẹo vùng cằm kích thước 6,5 x 0,2 cm: 02%

- Thương tích vết sẹo vùng cằm kích thước 7,5 x 0,2 cm: 02%

- Thương tích hai vết sẹo mu tay phải + Mổ cắt đốt 2 ngón 3 bàn tay phải + Mổ cắt đốt 1 ngón 5 bàn tay phải + X quang: Mất gân hoàn toàn đốt III các ngón III, V bàn tay phải. Gãy đốt bàn II, III và đốt I ngón IV bàn tay phải + Khám thần

kinh, vận động: Tổn thương bán phần dây thần kinh quay, trụ, giữa bàn tay trái ảnh hưởng đến vận động bàn tay, ngón tay mức độ nhiều: 54%

- Thương tích con lần 2 thai lưu 38 tuần chưa chuyển dạ: 13%

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 74%.

Kết luận giám định pháp y bổ sung số 8584/18/TgT ngày 21/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận:

Việc bị can Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, trú tại thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cầm con dao (có đặc điểm như đã mô tả trong Quyết định trưng cầu) bằng tay phải tiến đến trước mặt chị Phạm Thị B (Khi đó chị B đang ngồi tựa lưng vào thành giường) và vung dao chém nhiều nhát theo chiều hướng từ trên xuống dưới phía đầu chị B, chị B giơ tay lên đỡ và bị chém trúng tay gây ra được các vết thương như mô tả tại bệnh án ngoại khoa, số lưu trữ 1178 ngày 20/8/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi chém chị B như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P2 ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội Giết người, theo điểm c, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T không trình bày gì do bị bệnh tâm thần.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Do bố đẻ bị cáo tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc màu da cam đã ảnh hưởng đến con, sau khi bố T chết thì T càng bị ảnh hưởng nặng hơn, nay không đổ lỗi tại chiến tranh hay vì cái gì, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét cho T có điều kiện cải tạo chữa bệnh.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Giết người; đề nghị áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 123, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm tù đến 13 năm tù; Về trách nhiệm dân sự không xem xét do không có yêu cầu; Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh, điểm khoản của Bộ luật hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh điều kiện của bị cáo bị bệnh tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển

hành vi của bị cáo, đề nghị áp dụng điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 57 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 10 năm tù đến 11 năm tù.

Kết thúc tranh luận, các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố vụ án, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa bị cáo không khai báo được gì nhưng tại cơ quan điều tra bị cáo có thừa nhận dùng dao chém ba cái vào đầu vợ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại là chị Phạm Thị B, người làm chứng là bà Thân Thị M và anh Phạm Văn T có mặt tại hiện trường trực tiếp chứng kiến, phù hợp với hiện trường vụ án, phù hợp với vết thương trên cơ thể bị hại, các kết luận giám định và hung khí gây án nên có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn T là chồng chị Phạm Thị B, vợ chồng T cùng ông Nguyễn Văn H ở cùng thôn chung vốn mở xưởng sản xuất cay xây dựng tại nhà vợ chồng T. Ngày 20/8/2018, ông H ngăn cản không cho T xếp cay vì cay vẫn còn bị ẩm nên T bắt chị B phải đưa tiền. Chị B vay ông H 01 triệu đồng đưa cho T rồi đi sang nhà mẹ đẻ là Thân Thị M ở thôn T, xã Đ, thành phố B. T cho rằng chị B cùng với ông H cố ý không cho T xếp cay nên đi sang nhà bà M, T lấy một con dao dài 40cm chém chị B liên tiếp nhiều nhát trong đó có 03 nhát vào đầu làm mẻ xương sọ; đứt rời hoàn toàn cổ-bàn tay trái; vết thương phức tạp bàn tay phải; hậu quả gây chết thai nhi được 36 tuần và làm chị B bị thương tích 74%.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù bị cáo có nhược điểm về tâm thần nhưng bị cáo chỉ bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, nhưng bị cáo đã dùng dao chém liên tiếp vào vùng đầu là nơi nguy hiểm dễ dẫn đến chết người nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất côn đồ, nạn nhân là người đang mang thai. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội Giết người theo điểm c, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Hành vi bị cáo chém vào đầu bị hại là rất nguy hiểm dễ gây chết người nhưng bị hại đưa tay lên đỡ nên không bị thiệt hại về tính mạng, do vậy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, tại cơ quan điều tra đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị mắc bệnh tâm thần bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, có hai tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nhưng bị cáo là người bị bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, chưa gây thiệt hại về tính mạng cho bị hại nên chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bên đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Một con dao, các sợi tóc, bao tải dừa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Khung kim loại cần trả lại cho bà Thân Thị M.

Chiếc điện thoại di động cần trả lại cho chị Phạm Thị B.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm c, n khoản 1 Điều 123, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: 20/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy những đồ vật sau: Một bao tải dừa màu trắng, kích thước (0,55 x 0,85)m; Một con dao bằng kim loại màu nâu đen, chiều dài 40cm, chuôi dao dài 13cm, lưỡi dao dài 27cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6,8cm; Một số sợi tóc của Phạm Thị B còn lại sau giám định.

- Trả lại cho bà Thân Thị M một khung kim loại hình vồng, kích thước (2,44 x 0,68)m.

- Trả lại cho chị Phạm Thị B một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- ĐS vắng mặt;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng